TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2024
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2024, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D – Sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận
Bị đơn: Ông Nguyễn Duy L – Sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2024, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Bà và ông L tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H ngày 08/01/2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 07/2010 ngày 08/01/2010 của UBND xã Đ. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, về sau phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Hai vợ chồng hay cải vã qua lại với nhau, mỗi lần mâu thuẫn thì bà về nhà mẹ đẻ ở. Khoảng 06 năm nay thì bà dẫn con theo về nhà mẹ đẻ ở hẳn cho tới nay. Từ khi ly thân không quan tâm gì tới nhau, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết với cuộc sống hôn

nhân của mình. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/11/2015 và Nguyễn Thảo H2, sinh ngày 04/6/2017. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 người con vì ông L không chăm lo gì tới con từ khi ly thân tới nay. Về cấp dưỡng bà yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng (03 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

***/Bị đơn ông Nguyễn Duy L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân là đúng, ông và bà D tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2009, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H ngày 08/01/2010. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do bà D nghe lời nhà cha mẹ đẻ, luôn lạnh nhạt với ông, khác nhau về quan điểm sống, thi thoảng có hay gây luộn chửi bới nhau. Bà D cứ ở với ông một thời gian lại đem đồ về nhà cha mẹ để sống, sự việc này xãy ra liên tục trong thời gian dài. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân không sống chung với nhau khoảng 06 năm nay. Từ khi ly thân đến nay không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì tới nhau. Nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà D nên không đồng ý ly hôn với bà D, đề nghị bà D quay về chung sống để lo cho con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên: Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/11/2015 và Nguyễn Thảo H2, sinh ngày 04/6/2017. Từ khi ly thân tới này thì cả 03 người con ở với bà D do một mình bà D chăm sóc nuôi dưỡng. Ông thi thoảng có tới thăm con, nhưng không có phụ giúp để nuôi con, con chung do một mình bà D trực tiếp nuôi. Nếu Tòa án xét thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và giải quyết cho ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Ngọc H1 và giao cháu H, cháu H2 cho bà D nuôi đưỡng. Không ai cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D

được ly hôn với ông Nguyễn Duy L; Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/11/2015 và Nguyễn Thảo H2, sinh ngày 04/6/2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Thuy D mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng (03 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Duy L. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 04, xã Đ, huyện H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội D:

[2.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà D và ông L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận ngày 08/01/2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2010 của UBND xã Đ, huyện H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã qua lại, mâu thuẫn xãy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống. Hai vợ chồng sống ly thân 06 năm nay, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, ông L thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn nhưng ông còn tình cảm với bà D nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét bà D và ông L đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mẫu thuẫn do không hợp tính nhau, vợ chồng đã ly thân nhiều năm không ai quan tâm tới ai, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà D xin ly hôn với ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.b] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Bích Hạnh, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Ngọc Hà, sinh ngày 04/11/2015 và Nguyễn Thảo Hằng, sinh ngày 04/6/2017. Tại phiên Tòa bà D có nguyện vọng được nuôi cả 03 người con chung,

ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và giao cháu H, cháu H2 cho bà D trực tiếp nuôi. Xét, từ khi ly thân đến nay cả ba người con đều ở với bà D, do bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông L thừa nhận từ khi ly thân đến nay ông không phụ giúp bà D chăm sóc con chung, tại bản khai của con chung đều mong muốn được ở với bà D và để tranh xáo trộn cuộc sống của con chung, nên giao cả ba người con chung cho D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng (03 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng của bà D là phù hợp với mức chi phí nuôi dưỡng tại địa phương và phù hợp với khả năng của ông L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án**.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Duy L
- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/11/2015 và Nguyễn Thảo H2, sinh ngày 04/6/2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Duy L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Thùy D mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng (03 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông L có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012962 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận, Bà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Nguyễn Duy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/02/2024).

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện H;
-Chi cục THADS huyện H;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Hơn